

Bản án số: **20/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/10/2019

"V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** và bà **Đỗ Thị Hân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Hà**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Cao Đức Hùng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/HPT-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vi Thị Hồng Y**, sinh năm: 1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành C** (tên gọi khác: Nguyễn C), sinh năm: 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị Hồng Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành C (tên gọi khác: Nguyễn C) chung sống với nhau từ năm 2011 đến ngày 05/3/2012 mới tiến hành đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 10 - quyển số 01) tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống diễn ra bình thường, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên tụ tập bạn bè, không quan tâm đến vợ con,

không cùng vợ chăm lo cho gia đình nên anh chị đã ly thân từ giữa năm 2018, chị đã về nhà ngoại sinh sống, giữa chị và anh C không còn liên hệ về tình cảm. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Thành C có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2015. Chị yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Huyền Tr, anh C nuôi con chung Nguyễn Thị Kim Ng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về khoản nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh C nhưng anh C không tham gia tố tụng. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn Tòa án đã thực hiện tổng đạt nhiều lần và nhờ chính quyền địa phương hỗ trợ giao văn bản triệu tập cũng như thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh C tham gia tố tụng nhưng anh C từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Các văn bản tố tụng trên đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về giao nhận văn bản, anh C biết thời gian tham gia tố tụng nhưng không chấp hành. Ngày 07/8/2019, cán bộ Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương lấy lời khai của anh C nhưng thời điểm lấy lời khai anh C không có nhà. Do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh Nguyễn Thành C.

Ngày 16/9/2019, anh Nguyễn Thành C đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa ngày 26/9/2019 nhưng thời gian mở phiên tòa anh C vẫn không đến tham gia tố tụng. Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập cho anh C vào ngày 15/10/2019 tiến hành xét xử nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án chị Yến đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 bản chính); Sổ hộ khẩu (01 bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (02 bản sao); Giấy khai sinh (02 bản sao); Biên bản giao nhận (01 bản chính); Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (01 bản chính).

Chứng cứ do Tòa án thu thập là: Biên bản xác minh tại UBND xã H; Biên bản xác minh tại Công an xã H; Biên bản về việc không lấy được lời khai của đương sự; Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Kim Ng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật;

+ Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Hồng Y.

+ Về tình cảm: Xử cho chị Vi Thị Hồng Y được ly hôn với anh Nguyễn Thành C (tức Nguyễn C).

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Huyền Tr cho chị Vi Thị Hồng Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; giao con chung Nguyễn Thị Kim Ng cho anh Nguyễn Thành C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi;

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có, nên không xét.

+ Về khoản nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào nội dung trình bày, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án* Chị Vi Thị Hồng Y và anh Nguyễn Thành C là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị Y có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C nên thuộc trường hợp “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn anh Nguyễn Thành C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn x, xã H, thành phố M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố M là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần không tham gia tố tụng; Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo qui định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Y đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M; chị Y đã thực hiện việc gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm

theo đơn khởi kiện cho anh C thể hiện tại Biên bản giao nhận bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ ngày 14/5/2019.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành triệu tập 02 lần đối với anh Nguyễn Thành C và thực hiện giao gửi nhiều lần văn bản đối với anh C nhưng anh C từ chối nhận nên Tòa án thực hiện niêm yết văn bản theo quy định của pháp luật. Ngày 16/9/2019, anh C đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập số 21 ngày 06/9/2019; ngày 30/9/2019 anh C (qua anh họ) đã nhận Quyết định hoãn phiên Tòa số 20/QĐ - HPT ngày 26/9/2019 và giấy triệu tập số 20/ GTT ngày 26/9/2019. Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng qui định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Hồng Y, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Vi Thị Hồng Y và anh Nguyễn Thành C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị Y cho rằng do anh C thường xuyên tụ tập bạn bè, không quan tâm đến gia đình nên dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tu chí làm ăn. Chị Y và anh C đã ly thân từ tháng 7/2018 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Về phía bị đơn Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh C thực hiện quyền của mình, anh C biết nhưng không chấp hành, điều đó chứng tỏ ý thức tôn trọng pháp luật của anh C kém. Mặt khác cách cư xử của anh C như trên cho thấy bản thân anh tự khước từ quyền tham gia tố tụng và cũng không cần Tòa án tiến hành hòa giải tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 07/8/2019 thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do anh C không có việc làm ổn định nên thường xuyên tụ tập cùng nhiều thành phần có lý lịch không rõ ràng nên anh chị C, Y không còn hòa thuận. Chị Y đã về gia đình nhà ngoại ở xã H sinh sống gần 01 năm nay. Chị Y là người chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình nhưng anh C không tu chí, không phụ giúp vợ gánh vác việc gia đình. Đại diện địa phương thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó, đại diện địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em theo quy định của pháp luật.

Từ những chứng cứ do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng hoàn toàn do lỗi của anh C. Xét mâu thuẫn của anh chị C, Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y; xử cho chị Vi Thị Hồng Y được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

- Về con chung: Chị Y và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2015. Chị Y yêu cầu được nuôi con nhỏ Nguyễn Thị Huyền Tr, anh C nuôi con Nguyễn Thị Kim Ng, việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2019 của cháu Nguyễn Thị Kim Ng, cháu có quan điểm: Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với bố cháu là Nguyễn Thành C.

Từ đó có cơ sở chấp nhận giao con chung Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2012 cho anh Nguyễn Thành C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2015 cho chị Vi Thị Hồng Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Y trình bày không có nên không xét.

- Về các khoản nợ chung: Chị Y trình bày không có nên không xét.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn chị Vi Thị Hồng Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị Hồng Y về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vi Thị Hồng Y được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

Do đó, Giấy chứng nhận kết hôn số 10 - quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05/03/2012 không còn giá trị pháp lý

2. *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2012 cho anh Nguyễn Thành C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Thị Huyền Tr , sinh ngày 03 tháng 10 năm 2015 cho chị Vi Thị Hồng Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung , các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Buộc chị Vi Thị Hồng Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Y đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001675 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. *Về quyền kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các Đương sự;
- Án văn + Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương